

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Thanh Bình

Thư ký phiên họp: Ông Cao Đăng Huy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Lý –
Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 396/2019/TLST-VDS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “Yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 347/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà HTNA, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 87/32A H, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà VTMT, địa chỉ: 710 N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2020) “Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt”

- *Người bị yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông TTH, sinh năm 1971 “Vắng mặt”;

Địa chỉ: 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh “Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt”;

Địa chỉ: 502 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà NTT, sinh năm 1974 “Vắng mặt”;

3. Ông TĐH, sinh năm 1997 “Vắng mặt”;

4. Ông TĐT, sinh tháng 7 năm 2002 “Vắng mặt”;

Cùng địa chỉ: 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu ghi ngày 06 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết việc dân sự, bà HTNA trình bày:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 574/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật thì ông TTH có trách nhiệm trả cho bà HTNA số tiền 274.800.000 đồng.

Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định thi hành án số 920/QĐ-CCTHADS ngày 20/02/2019 đối với bản án số 574/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14/3/2019, Chấp hành viên thực hiện xác minh điều kiện thi hành án của ông H thì biết nhà đất tại số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông H và Bà NTT. Chấp hành viên thông báo cho các đương sự thực hiện quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông TTH trong khối tài sản chung trên.

Do đó, bà Á yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của ông TTH trong khối tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý việc dân sự; Giấy triệu tập đương sự; Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự; Giấy triệu tập tham gia phiên họp và các văn bản tố tụng khác cho ông TTH, bà NTT, ông TĐH và ông TĐT. Tuy nhiên ông TTH, bà NTT, ông TĐH và ông TĐT đều vắng mặt không có lý do, không có cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án, Tòa án nhân dân Quận 4 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà HTNA về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông TTH trong khối tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 4 nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà HTNA có đơn yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của ông TTH trong khối tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án, đây là việc dân sự về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4 theo quy định tại khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho người bị yêu cầu ông TTH; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NTT, ông TĐH và ông TĐT theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tất cả đều vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà HTNA yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông TTH trong khối tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để cơ quan Thi hành án có cơ sở thi hành bản án số 574/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án xét thấy:

Bà NTT, ông TĐH và ông TĐT không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà HTNA, Chi cục Thi hành dân sự Quận 4 cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ việc.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường Z, Quận 4 thì tại nhà, đất số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có bà NTT, ông TĐH và ông TĐT (ông Huy và ông Tín là con ruột của ông H và bà O) thực tế cư trú, ngoài ra không còn ai khác cư trú tại nhà, đất trên.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020 thì tại thời điểm xem xét, thẩm định, hiện trạng nhà đất tại địa chỉ số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh không có gì thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 5135/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp ngày 17/12/2003 cho ông H và bà O.

Căn cứ Công văn số 772/CNQ4-ĐK ngày 31/3/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh Chi nhánh Quận 4: Nhà, đất số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do ông TTH và bà NTT mua giấy tờ tay từ ông Nguyễn Văn Hải theo giấy bán nhà lập ngày 15/9/1999 và được Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5135/2003 ngày 17/12/2003 cho ông TTH và bà NTT, với diện tích đất 12,3 m².

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 5135/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp ngày 17/12/2003 đối với nhà, đất tại địa chỉ số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho vợ chồng ông TTH và bà NTT. Do đó, nhà đất tại địa chỉ số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng ông TTH và bà NTT, giá trị tài sản mà ông H và bà O được hưởng là như nhau và bằng 1/2 tổng giá trị tài sản nêu trên.

Ông TTH không thi hành bản án số 574/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, nên bà HTNA yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông TTH trong khối tài sản chung là nhà đất tại số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để cơ

quan Thi hành án có cơ sở thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của bà Á là có cơ sở, nên chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của bà HTNA được chấp nhận nên ông TTH phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu bà HTNA phải nộp 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, Khoản 9 Điều 27, Điểm a Khoản 2 Điều 35, Điểm n Khoản 2 Điều 39, Điều 157, Khoản 2 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà HTNA:

Xác định nhà, đất tọa lại tại số 40/22/3 N, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 5135/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp ngày 17/12/2003 là tài sản chung của ông TTH và bà NTT, trong đó phần quyền sở hữu của ông TTH được xác định bằng 1/2 giá trị tài sản trên.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của bà HTNA được chấp nhận nên ông TTH phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà HTNA phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2018/0024804 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, bà Á đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Đương sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày đương sự nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

- Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu VP; Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trần Thanh Bình